| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG**<br>**TỈNH BẮC GIANG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |

Bản án: **02** /2018/DS - ST
Ngày 27 / 4 / 2018
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
### TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG - TỈNH BẮC GIANG

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Trần Văn Toàn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*
1) Ông Nguyễn Thanh Tâm.
2) Bà Hoàng Thị Chung.

**- Thư ký phiên toà:** Bà Hoàng Thị Hằng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Động.
**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên toà** : ông Vương Văn Phong - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2017/TLST- DS, ngày 24/11/2017 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2017/QĐXX – ST, ngày 19 tháng 3 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2018/QĐ – HPT ngày 05/04/2018; giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn : Ông Trần Thanh T,** sinh năm 1969. Có mặt.
Địa chỉ: Thôn R, xã D, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị đơn : Bà Nguyễn Thị H,** sinh năm 1964. Vắng mặt
Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

* Trong đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên toà nguyên đơn ông Trần Thanh T trình bầy: Do là chỗ quen biết nên ngày 28/4/2016 ông có cho bà Nguyễn Thị H vay số tiền là: 170.000.000đ. Quá trình vay có giấy viết tay nhận nợ với nhau, không ghi lãi suất, thời hạn bà H phải trả là đến ngày 12/6/2017. Khi đến hạn thanh toán, ngày 18/7/2017 bà H đã trả ông được số tiền 100.000.000đ; số tiền còn lại 70.000.000đ ông có đòi nhiều lần nhưng bà H khất nợ chưa trả được; bà H còn lại ra lý do là đưa tiền cho bà Trần Thị H1 cầm về trả cho tôi là không có, việc bà H và bà H1 nợ tiền trả cho nhau như thế nào ông không biết. Ông T xác nhận việc vay nợ là do cá nhân với nhau không liên quan gì đến gia đình

Nay ông yêu cầu bà H phải trả số tiền gốc vay 70.000.000đ, về lãi ông không yêu cầu bà H phải trả .

* Bị đơn bà Nguyễn Thị H xác nhận 1 phần lời khai của bên nguyên đơn, người làm chứng tại biên bản ghi lời khai và các tài liệu thực hiện tố tụng có trong hồ sơ vụ án như sau: Do chỗ quan hệ có quen biết nhau trong năm 2016 bà có vay tiền của ông T nhiều lần, đến ngày 28/4/2016 chốt tổng số tiền vay là 170.000.000đ (Một trăm, bẩy mươi triệu đồng). Khi vay có làm giấy tờ ký kết, không ghi có lãi, thời hạn vay đến ngày 12/6/2017 bà phải có trách nhiệm trả cho ông T toàn bộ số tiền trên. Đến hạn thanh toán, ngày 18/7/2017 bà đã trả cho ông T được 100.000.000đ, ngày 26/8/2017 trả tiếp cho ông T được 29.000.000đ (số tiền 29.000.000đ do bà Trần Thị H1 là chị gái ông T nhận hộ ông T), toàn bộ các lần trả tiền chỉ đưa tiền tay cho nhau không viết giấy nhận tiền gì cả.

Nay ông T khởi kiện bà phải trả số tiền còn nợ không đúng là như vậy, bà chỉ còn nợ lại số tiền là 41.000.000đ, vì bà đã trả được 129.000.000đ trong tổng số tiền vay là 170.000.000đ; nguyên nhân chưa trả được là do làm ăn kinh tế khó khăn nên chưa có tiền trả ông Tuấn. Bà H xác nhận việc vay nợ là do cá nhân với nhau không liên quan gì đến gia đình.

* Phần tranh luận: Do bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên không có tranh luận.

* Nhận xét của Viện kiểm sát đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến kết thúc phần tranh luận chuyển vào nghị án; Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự không có vi phạm gì. Tuy nhiên bị đơn bà H vắng mặt tại phiên tòa 2 lần là vi phạm trong việc chấp hành pháp luật.

Ý kiến của kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 26; 35; 144; 147 của Bộ luật tố tụng dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2015. Điều 357, 463; 466; 468 của Bộ luật dân sự 2005.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thanh T đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho ông Trần Thanh T số tiền gốc vay: 70.000.000đ.

Về lãi suất: Do ông T không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Do yêu cầu của ông T được chấp nhận nên bà H phải chịu toàn bộ án phí DSST.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về quan hệ pháp luật:* Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và quy định của pháp luật, xác định quan hệ pháp luật của vụ kiện là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

*[2] Về tố tụng:* Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị H vẫn vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*[3] Về nội dung:* Do chỗ quan hệ quen biết nhau nên ngày 28/4/2016 ông Trần Thanh T có cho bà Nguyễn Thị H vay số tiền là 170.000.000đ; quá trình vay có giấy viết tay nhận nợ với nhau, không ghi có lãi suất, thời hạn bà H phải trả cho ông T là đến ngày 12/6/2017. Khi đến hạn thanh toán ngày 18/7/2017 bà H đã trả được cho ông T là 100.000.000đ; số tiền còn lại 70.000.000đ ông T tiếp tục đòi nhiều lần nhưng bà H khất nợ chưa trả được; ngày 20/11/2017 ông T khởi kiện bà H ra Tòa án.

Trong quá trình gải quyết vụ án cũng như quá trình tranh tụng tại phiên tòa ông T cho rằng, số tiền bà H vay là một lần chứ không phải nhiều lần như bà H khai; bà H hiện còn nợ ông số tiền là 70.000.000đ, ông không thừa nhận có việc bà H đã trả thêm cho ông 29.000.000đ như bà H trình bày.

Nguyên đơn ông T xuất trình chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình, gồm: 01 giấy vay nợ ký giữa ông với bà H, có người chứng kiến.

Bị đơn bà H thừa nhận có vay cũng như đã trả một phần gốc cho ông T; bà H không xuất trình chứng cứ, tài liệu gì để chứng minh cho quan điểm của mình là đã trả cho ông T số tiền lần 2 là 29.000.000đ.

Người làm chứng bà Trần Thị H1 là người ký làm chứng trong vụ kiện đã thừa nhận việc ông T cho bà H vay tiền như theo giấy nhận nợ là đúng, bà không được nhận hộ số tiền bà H đưa trả cho ông T, số tiền bà H đưa 29.000.000đ cho bà là tiền bà H nợ trả cho bà.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã cho các bên đối chất làm rõ số tiền 29.000.000đ mà bà H bảo trả cho ông T, các bên đều phủ nhận lời khai của nhau và đều giữ nguyên quan điểm trình bày của mình.

Căn cứ vào các chứng cứ do các bên đương sự đưa ra, Hội đồng xét xử xét thấy: Bên Nguyên đơn ông Trần Thanh T đã đưa ra chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình đối với bên bị đơn là có căn cứ như: giấy vay nợ, lời khai của người làm chứng. Bên bị đơn bà Nguyễn Thị H không đưa ra được căn cứ để chứng minh cho việc vay nợ cũng như trả nợ của mình dối với số tiền vay.

Từ những chứng cứ phân tích đánh giá nêu trên; Hội đồng xêt xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thanh T; buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho ông Trần Thanh T số tiền gốc vay còn nợ là: 70.000.000đ.

Về lãi suất: Các bên cho nhau vay tự thỏa thuận, quá trình khởi kiện ông T không có yêu cầu, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về lãi suất Thi hành án: Được thực hiện theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bên bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí DSST.

Vì các lẽ trên. Hội đồng xét xử;

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; 35; 144; 147; 357; 468 - Bộ luật tố tụng dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2015. Điều 357, 463; 466; 468 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ – UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án .

**[1]** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thanh T đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H.

**[2]** Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H phải trả cho ông Trần Thanh T số tiền gốc vay: 70.000.000đ (Bẩy mươi triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

**[3]** Về án phí: Bà Nguyễn Thị H chịu 3.500.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được niêm yết./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Sơn Động;
- Chi cục THADS huyện Sơn Động;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu **.**

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Toàn**